TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **207**/2024/HS-ST
Ngày: 19-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Ông Lê Đình Ty

Ông Lê Như Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 198/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2002 tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số 22x L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 0382020xxxxx; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy B và bà Trần Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: bản án số 76/2022/HS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; hiện đang thi hành án tại trại giam T - Bộ Công an theo Quyết định thi hành án số 184/2022/QĐ-CA ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thời hạn 08 năm 09 tháng tính từ ngày 22/6/2021, được trích xuất về trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 21/6/2024 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1993; là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn Đ, xã Y, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 17/6/2021, bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1968, trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cùng con gái về quê tại xã Y, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để hóng mát, thả diều. Xuất phát từ nghi ngờ bà Đỗ Thị T2 có quan hệ bất chính với bố mình là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nên Nguyễn Duy L1, sinh năm 2006 (con trai ông L) tìm gặp bà T2 chửi bới nhưng được mọi người can ngăn. Sau đó, bà Đỗ Thị T2 cùng con gái đến nhà gặp ông Nguyễn Văn L để nói rõ sự tình. Tại đây, giữa bà T2 và L1, bà Lê Thị H1, sinh năm 1973 (vợ ông L) xảy ra xô xát, đánh nhau bằng tay chân, tuy nhiên sự việc nhanh chóng được can ngăn. Sau đó, bà T2 được con gái đưa đến Trạm y tế xã Y để khám, băng bó vết thương do bị xây xát trong quá trình xô xát với bà H1.

Bực tức chuyện mình bị đánh, bà Đỗ Thị T2 gọi điện cho con trai là Đỗ Ngọc A nói chuyện cho biết là vừa bị đánh nhưng không bàn bạc, xúi giục gì Ngọc A đến để đánh trả thù cho bà T2. Nghe tin mẹ bị đánh, Ngọc A bực tức nên đã chủ động lấy một con dao lê tại nhà mang đi rồi đến nhà Nguyễn Duy D, sinh năm 2003, trú tại lô xx MBQH90, phường Đ1, thành phố T và Lê Thanh T, sinh năm 2002, trú tại 22x L, phường Đ, thành phố T bàn bạc và rủ D, T đi đến nhà ông L tìm người đã đánh mẹ mình để đánh trả thù. Khi đến Trạm y tế xã Y, được biết người đã mâu thuẫn với mẹ mình là người trong gia đình nhà ông Nguyễn Văn L nên Đỗ Ngọc A đã rủ và thống nhất cùng D và T đến nhà ông L tìm đánh nhau với người đã đánh mẹ mình. Khi đến cổng nhà ông L, T và D xuống xe hỗ trợ, còn Ngọc A trực tiếp cầm dao lê xông vào nhà ông Nguyễn Văn L thách thức đánh nhau với người trong nhà ông L thì bị nhóm thợ xây đang có mặt ở đó dùng gậy xua đuổi, bị yếu thế nhóm Ngọc A lên xe bỏ chạy ra đầu đường và chửi bới, thách thức sẽ quay lại đánh trả thù. Lúc này, Lê Thanh T nói quen Phạm Minh A1, sinh năm 1997, trú tại phường Đ2, thành phố T nên T bàn bạc với Ngọc A về thành phố T rủ thêm Phạm Minh A1 đến hỗ trợ đánh nhau. T gọi điện thoại cho Phạm Minh A1 biết để hỗ trợ, Minh A1 đồng ý. Sau đó, T cùng D đi về thành phố T đón Minh A1, trên đường đi T qua nhà Nguyễn Tuấn A2, sinh năm 2005 trú tại 55/xx Q, phường N, thành phố T để rủ Tuấn A2 đi cùng và đi xe máy qua đón Minh A1. Khi đi Minh A1 mang theo một khẩu súng (dạng súng colt quay, trong ổ quay lắp sẵn 05 viên đạn). Sau đó, đi cùng T, D và Tuấn A2 đến gặp Ngọc A đang chờ tại xã Y, huyện Q. Đến nơi, T, Ngọc A gọi Minh A1 đứng nói chuyện riêng, nói rõ sự việc cho Minh A1 biết và thống nhất cùng đến tìm người nhà ông L đánh trả thù. Tuấn A2 và D mặc dù không được bàn bạc, không biết Minh A1 mang theo súng nhưng biết rõ là đi đến nhà ông L để gây sự đánh nhau với người nhà ông L nên đã đồng ý điều khiển xe máy chở T, Minh A1, Ngọc A đến nhà ông L. Khi đi đến khu vực

cổng chào thôn Đ, xã Y, Ngọc A nói với Tuấn A2 và D dừng xe đứng ngoài chờ để T, Ngọc A mang theo dao lê, Minh A1 mang theo súng vào nói chuyện. Khi vào tới khu vực đường nối từ nhà văn hóa đến ngõ nhà ông L thì phát hiện ông L đi xe đạp ngang qua. Thấy vậy, Ngọc A hô: "Nó đây rồi", "bắn nó đi" thì Minh A1 rút súng colt ra bắn 01 phát về phía ông L. Nghe thấy tiếng súng, người dân xung quanh ùa ra đường đuổi bắt nhóm Ngọc A, Minh A1 tiếp tục cầm súng bắn chỉ thiên 02 phát rồi cùng với T, Ngọc A lên xe máy của Tuấn A2 và D bỏ chạy về thành phố T. Quá trình bỏ chạy, Minh A1 bị ngã 01 lần rơi khẩu súng xuống đường, sau đó tiếp tục lên xe bỏ chạy thoát về thành phố T.

Ông Nguyễn Văn L bị bắn trúng vào vùng bụng, được đưa đi cấp cứu kịp thời nên không chết. Kết quả giám định thương tích xác định tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe là 88%.

Với các hành vi trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2022/HS-ST ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt:

- Đỗ Ngọc A 06 năm tù về tội Giết người, 01 năm 06 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng;

- Phạm Minh A1 13 năm tù về tội Giết người, 01 năm tù về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng;

- Lê Thanh T 04 năm tù về tội Giết người, 02 năm về tội Gây rối trật tự công cộng;

- Nguyễn Duy D 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo;

- Nguyễn Tuấn A2 15 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng nhưng cho hưởng án treo.

Tại Bản án số 38/2023/HS-GĐT ngày 06/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 19/QĐ-VC1-HS ngày 08/06/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Lê Thanh T, hủy phần quyết định về tội danh và hình phạt đối với Lê Thanh T để điều tra lại, với lý do:

Đối với hành vi phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" của Lê Thanh T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318 là chưa có căn cứ vững chắc. Bởi vì, Lê Thanh T không có hung khí, không có vũ khí; hành vi Phạm Minh A1 dùng súng bắn ông Nguyễn Văn L đã bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội giết người, Lê Thanh T cũng bị kết án tội giết người với vai trò đồng phạm. Vì vậy, quy kết Lê Thanh T dùng vũ khí đối với hành vi gây rối trật tự công cộng là không đúng pháp luật. Như vậy, tội gây rối trật tự công cộng của Lê Thanh T cần xem xét lại cả về tội danh và điều khoản áp dụng. Về hình phạt đối với tội "Giết người" của Lê Thanh T, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS,

xử phạt Lê Thanh T 04 năm tù là quá nhẹ, không đúng quy định tại khoản 2 Điều 54 của BLHS.

Quá trình điều tra lại xác định: Hành vi của Lê Thanh T là đồng phạm với Đỗ Ngọc A và Nguyễn Duy D về tội "Gây rối trật tự công cộng", quy định tại khoản 2 Điều 318 BLHS tại giai đoạn cùng với Ngọc A, D mang dao đến nhà ông L; còn giai đoạn thứ hai Lê Thanh T đi cùng Ngọc A, Minh A1, D và Tuấn A2 rồi Minh A1 dùng súng bắn ông L thì hành vi này của Lê Thanh T là đồng phạm với Ngọc A và Minh A1 về tội "Giết người" quy định tại khoản 1 Điều 123 như kết quả điều tra, đề nghị truy tố ban đầu nêu trên.

Hiện nay, tại Bản án số 70/HSST/2022 ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Bản án số 38/2023/HS-GĐT ngày 06/10/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xác định Đỗ Ngọc A và Nguyễn Duy D phạm tội Gây rối trật tự công cộng tại giai đoạn ban đầu (trong đó D bị xem xét xử lý hành vi gây rối trật tự công cộng cả hai giai đoạn).

Căn cứ kết quả điều tra lại vụ án, xác định: Hành vi của Lê Thanh T được xác định là ngay từ thời điểm ban đầu đã cùng với Nguyễn Duy D thống nhất, hỗ trợ Đỗ Ngọc A đến xã Y để đánh nhau, biết rõ Ngọc A chuẩn bị hung khí là dao lê. Khi gặp bà Đỗ Thị T2 (mẹ của Ngọc A) biết người đánh bà T2 là người nhà ông L nên khi Ngọc A bàn bạc, thống nhất rủ đi cùng đến nhà ông L để đánh nhau trả thù cho bà T2 thì T và D đồng ý đi cùng để hỗ trợ. Đến cổng nhà ông L, T và D xuống xe đứng sau hỗ trợ, còn Ngọc A cầm dao lê lao vào cổng nhà ông L để thách thức đánh nhau, đúng lúc đó nhà ông L đang có tốp thợ xây, thấy Ngọc A hỗn láo nên đã lấy gậy xua đuổi khỏi nhà thì nhóm Ngọc A mới bỏ chạy ra đầu đường và chửi bới, thách thức sẽ quay lại đánh trả thù. Sự việc xảy ra ngay tại khu vực đường liên thôn, gần nhà văn hóa thôn gây náo loạn, ảnh hưởng đến tình an ninh trật tự tại địa phương và gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Mặc dù chưa đánh, gây thương tích được bất kỳ ai nhưng hành vi này của Đỗ Ngọc A, Lê Thanh T và Nguyễn Duy D là đồng phạm về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại khoản 2 Điều 318 BLHS như kết quả điều tra, đề nghị truy tố ban đầu và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử.

Hành vi Lê Thanh T gọi điện thoại rủ Minh A1, Tuấn A2 đi đến hỗ trợ giúp Ngọc A đánh trả thù. Sau đó, Ngọc A và T mặc dù biết rõ Minh A1 có súng nhưng vẫn bàn bạc, thống nhất cùng Minh A1 đến nhà ông L đánh nhau rồi nói Tuấn A2 và D chở đến. Khi đến nơi, phát hiện thấy ông L, Ngọc A đã hô hoán cho Minh A1 bắn ông L một phát rồi lên xe máy của D và Tuấn A2 chạy thoát thân. Hành vi này của Lê Thanh T, Đỗ Ngọc A là đồng phạm với Phạm Minh A1 về tội Giết người, quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS. Mặc dù ở giai đoạn này, hành vi của T, Ngọc A, Minh A1, D và Tuấn A2 đã có dấu hiệu của tội Gây rối trật tự công cộng nhưng T, Ngọc A và Minh A1 đã bị xem xét xử lý về tội phạm có khung hình

phạt cao hơn là "Giết người" nên không xem xét khởi tố đối với Lê Thanh T, Đỗ Ngọc A và Phạm Minh A1 về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKS-P2 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Thanh T về tội "Giết người" và tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự (BLHS) và điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm kết tội đối với bị cáo theo tội danh, điều khoản đã nêu trong cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm đối với nội dung vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá toàn diện vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 15, Điều 57, Điều 38, Điều 54 BLHS, xử phạt Lê Thanh T từ 05(năm) năm đến 06(sáu) năm tù về tội "Giết người", từ 01(một) năm đến 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt đối với hai tội, xử phạt bị cáo từ 06(sáu) năm đến 07(bảy) năm 06(sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp với hình phạt 02 năm 09 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo Lê Thanh T thừa nhận và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì đối với các văn bản tố tụng hình sự, không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã gửi quan điểm bào chữa cho bị cáo. Người bào chữa cơ bản thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, đề nghị HĐXX xem xét bị cáo là người phạm tội khi ở độ tuổi bồng bột, chưa suy nghĩ chín chắn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, sau khi phạm tội đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, đầu thú, khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, phạm tội chưa đạt, để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các bị cáo khác trong vụ án, phù hợp với các văn bản tố tụng hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập theo trình tự luật định, phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của Lê Thanh T được xác định là ngay từ thời điểm ban đầu ngày 17/06/2021, tại khu vực cổng nhà ông L đã cùng với Nguyễn Duy D thống nhất, hỗ trợ Đỗ Ngọc A đến xã Y để đánh nhau. Khi đến cổng nhà ông L, T và D xuống xe đứng sau hỗ trợ, còn Ngọc A cầm dao lê lao vào cổng nhà ông L để thách thức đánh nhau, đúng lúc đó nhà ông L đang có tốp thợ xây, thấy Ngọc A hỗn láo nên đã lấy gậy xua đuổi khỏi nhà thì nhóm Ngọc A mới bỏ chạy ra đầu đường và chửi bới, thách thức sẽ quay lại đánh trả thù. Sự việc xảy ra ngay tại khu vực đường liên thôn, gần nhà văn hóa thôn gây náo loạn, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Mặc dù chưa đánh, gây thương tích được bất kỳ ai nhưng hành vi nêu trên của Lê Thanh T là đồng phạm với Đỗ Ngọc A, Nguyễn Duy D về tội "Gây rối trật tự công cộng". Tuy nhiên do Lê Thanh T khi thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng không cầm theo vũ khí, hung khí, chỉ đứng ngoài cổng chửi bới, nên Lê Thanh T chỉ phạm vào khoản 1 Điều 318 BLHS.

Hành vi Lê Thanh T gọi điện thoại rủ Minh A1, Tuấn A2 đi đến hỗ trợ giúp Ngọc A đánh trả thù. Minh A1 đã cầm khẩu súng colt quay bắn 01 phát vào bụng ông Nguyễn Văn L, gây tổn hại 88% sức khỏe. Hành vi này của Lê Thanh T là đồng phạm với Phạm Minh A1, Đỗ Ngọc A về tội "Giết người". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo theo tội danh như bản cáo trạng là hoàn toàn thỏa đáng, đảm bảo căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, đối với hành vi gây rối trật tự công cộng, chỉ xác định Lê Thanh T phạm vào khoản 1 Điều 318 BLHS là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng. Hành vi thể hiện tính côn đồ, quyết liệt, coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân.

Xét nhân thân: Bị cáo tuy chưa có tiền án, tiền sự, nhưng đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất côn đồ; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS): Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; đầu thú.

Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố

nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, HĐXX thấy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, hậu quả xảy ra bị hại được cứu chữa kịp thời, bị hại không tử vong, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, nên cần áp dụng quy định tại Điều 57 của BLHS khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, đầu thú, là đồng phạm giúp sức trong vụ án nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[3] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng và các đồ vật liên quan đến vụ án: Đã được quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2022/HS-ST ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong các giai đoạn tố tụng đã thực hiện và ban hành đều hợp pháp, tuân thủ các nguyên tắc tố tụng cũng như đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao theo quy định của BLTTHS.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b khoản 2 Điều 318, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 15, Điều 57, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 55, Điều 56 BLHS:

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh T phạm tội: “Giết người” và tội: “Gây rối trật tự công cộng”.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T **06**(sáu) năm tù về tội “Giết người”, **01**(một) năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **07**(bảy) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02(hai) năm 09(chín) tháng tù tại Bản án số 76/2022/HS-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **09**(chín) năm **09**(chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/6/2021.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Thanh T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 BLTTHS: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: HS vụ án; Tổ HC-TP; Tòa HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến